

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 3 năm 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thế Anh
- Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn C, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30/10/2023, được bổ sung trong bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Vi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn C, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 12/10/2010 (Giấy chứng nhận kết hôn số 70). Do thất lạc Giấy chứng nhận kết hôn nên chị xin cấp lại Trích lục kết hôn số 97/TLKH-BS ngày 07/3/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C ghen tuông vô cớ, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, có lần còn đến nơi chị làm việc đề hành hung. Chị đã cố gắng chịu đựng và tha thứ cho anh C nhiều lần để kéo dài hôn nhân cho con cái có đầy đủ tình yêu thương của bố mẹ, nhưng anh C không thay đổi. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến đầu năm 2022 thì vợ chồng ly thân, từ đó đến nay không ai quan tâm ai. Chị nhận thấy mâu thuẫn đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không thể tiếp tục chung sống với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con cái: Chị và anh Phạm Văn C có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc H1, sinh ngày 18/4/2011. Chị đề nghị giao cháu H1 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng cho cháu H1 1.000.000 đồng/tháng kể từ khi Tòa án có quyết định cho ly hôn đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Vi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành xác minh tại thôn K, xã G, huyện L về một số nội dung có liên quan trong vụ án, kết quả xác minh:

Về địa chỉ cư trú và sự có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của bị đơn: Đại diện thôn cho biết, anh Phạm Văn C đăng ký thường trú tại thôn K, xã G, huyện L, anh C không đăng ký tạm trú ở nơi khác; anh C không báo xin tạm vắng tại nơi cư trú; đến nay anh C chưa thay đổi nơi đăng ký cư trú, không bị xóa đăng ký thường trú; anh C vẫn cư trú tại địa phương nhưng là lao động tự do không thường xuyên có mặt ở nhà trong giờ hành chính.

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Đại diện thôn cho biết, giữa chị H và anh C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã, chửi bới, đánh đập nhau, nhưng thôn không biết nguyên nhân mâu thuẫn, đến nay chị H và anh C đã ly thân mỗi người ở một nơi.

Về con chung và điều kiện nuôi con: Chị H và anh C có 01 con chung là cháu H1, thôn không biết họ tên đầy đủ và ngày tháng năm sinh của cháu. Kể từ khi chị H và anh C ly thân, cháu H1 ở cùng anh C và bà nội của cháu, cháu vẫn được đi học đầy đủ và được chăm sóc tốt. Về điều kiện nuôi con, hiện nay anh C cư trú tại thôn K, xã G, huyện L là lao động tự do, chưa có việc làm và thu nhập ổn định, nhưng anh C là người chịu khó làm ăn, biết quan tâm chăm lo cho gia đình; còn chị H đang ở nhà công vụ của Trường THCS G và là giáo viên của trường, công việc và thu nhập ổn định. Cả chị H và anh C đều là người có trách nhiệm chăm lo và yêu thương con cái.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nguyên đơn là chị Vi Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Phạm Văn C không có yêu cầu phản tố vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Vi Thị H và Trích lục kết hôn số 97/TLKH-BS ngày 07/3/2018 do UBND xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vi Thị H và anh Phạm Văn C là hợp pháp.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Giữa chị H và anh C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, chửi bới, đánh đập nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu tin tưởng sự chung thủy của nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh C; còn anh C không đến Tòa án tham gia hòa giải, giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh C không còn, hôn nhân đã làm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, quyết định cho chị H được ly hôn anh C.

[5]. Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Vi Thị H và bản sao Giấy khai sinh của cháu H1, đủ cơ sở xác định: Cháu Phạm Ngọc H1, sinh ngày 18/4/2011 là con chung của chị H và anh C. Xét đề nghị về việc giao nuôi con của chị H, thấy: Mặc dù điều kiện về việc làm và thu nhập của anh C không ổn định bằng chị H, nhưng anh C có nơi ở ổn định và là người chịu khó làm ăn, có trách nhiệm với gia đình và yêu thương con cái. Kể từ khi chị H và anh C ly thân đến nay, cháu H1 ở cùng anh C và bà nội, cháu được học hành đầy đủ và được chăm sóc tốt về mọi mặt. Chị H đề nghị giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu H1, hơn nữa cháu H1 cũng có nguyện vọng được ở với anh C. Như vậy, để cuộc sống và việc học tập của các cháu H1 không bị xáo trộn và có

điều kiện phát triển một cách tốt nhất về mọi mặt và phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 thì đề nghị của chị H là phù hợp nên chấp nhận, giao cháu Phạm Ngọc H1 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6]. Xét đề nghị về việc cấp dưỡng nuôi con, thấy: Chị H không trực tiếp nuôi con, nên có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu H1 là đúng quy định của pháp luật. Xét mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng chị H đề nghị, thấy: Anh C là người trực tiếp nuôi con, nhưng hiện nay anh C chưa có việc làm và thu nhập ổn định, còn chị H là người có nghĩa vụ cấp dưỡng có việc làm và thu nhập ổn định nên mức cấp dưỡng chị H đề nghị cấp dưỡng cho cháu H1 1.000.000 đồng/tháng là thấp. Căn cứ vào mức thu nhập của lao động phổ thông bình quân ở địa phương và nhu cầu thiết yếu của lứa tuổi cháu H1 so với mức trung bình ở địa phương thì mức cấp dưỡng cho cháu H1 là 1.500.000 đồng/tháng mới phù hợp. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu H1 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2024 đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[7]. Về tài sản: Chị Vi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Chị Vi Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 107, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, các điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Vi Thị H được ly hôn anh Phạm Văn C.

Về con: Giao cháu Phạm Ngọc H1, sinh ngày 18/4/2011 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H phải cấp dưỡng cho cháu H1 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2024 đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), tổng là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2021/0015790 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị H còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn*

đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn Vi Thị H, bị đơn Phạm Văn C. Chị H và anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

Lê Viết Tám